

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 12/2019/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2019

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2019/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong

Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 04 tháng 11 năm 2002 tại Phnôm-pênh, Cam-pu-chia;

Thực hiện Nghị định thư sửa đổi Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 21 tháng 11 năm 2015 tại Ku-a-la Lăm-pơ, Ma-lai-xi-a;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi là ACFTA).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cơ quan, tổ chức cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).
2. Thương nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động có liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Thông tư này, các thuật ngữ dưới đây hiểu như sau:

1. *Nuôi trồng thủy sản* là việc nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước bao gồm cá, động vật thân mềm, loài giáp xác, động vật không xương sống dưới nước khác và thực vật thủy sinh, từ các loại con giống như trứng, cá con, cá giống và ấu trùng bằng cách can thiệp vào quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng nhằm thúc đẩy sinh sản như nuôi cấy, cho ăn hoặc bảo vệ khỏi các động vật ăn thịt, v.v...

2. *CIF* là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

3. *FOB* là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chờ hàng rời bến. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

4. *Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi* là những nguyên tắc đã được nhất trí thừa nhận hoặc áp dụng tại một Nước thành viên về việc ghi chép các khoản doanh thu, chi phí, phụ phí, tài sản và các khoản phải trả; truy xuất thông tin và việc lập báo cáo tài chính. Các nguyên tắc này có thể bao gồm hướng dẫn chung cũng như các tiêu chuẩn, thông lệ và thủ tục thực hiện cụ thể.

5. *Hàng hóa* là bất kỳ thương phẩm, sản phẩm, vật phẩm hay nguyên liệu nào.

6. *Nguyên liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau* là những nguyên liệu cùng loại có thể dùng thay thế lẫn nhau vì mục đích thương mại, có đặc tính cơ bản giống nhau và không thể chỉ ra sự khác biệt bằng cách kiểm tra trực quan đơn thuần.

7. *Nguyên liệu* bao gồm bất kỳ chất liệu hoặc vật phẩm nào được sử dụng trong quá trình sản xuất hàng hóa, kết hợp tự nhiên thành hàng hóa hoặc tham gia vào một quá trình sản xuất một hàng hóa khác.

8. *Nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ* là nguyên liệu hoặc hàng hóa đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư này.

9. *Nguyên liệu đóng gói và bao bì đóng gói để vận chuyển* là nguyên liệu và bao bì được sử dụng để bảo vệ hàng hóa trong quá trình vận chuyển mà không phải là nguyên liệu đóng gói và bao bì đóng gói hàng hóa dùng để bán lẻ.

10. *Sản xuất* là các phương thức để thu được hàng hóa bao gồm nuôi trồng, chăn nuôi, khai thác, thu hoạch, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, canh tác, đánh bắt, săn bắn, săn bắt, thu lượm, thu nhặt, gây giống, chiết xuất, chế tạo, sản xuất, gia công, lắp ráp hàng hóa, v.v...

11. *Quy tắc cụ thể mặt hàng* là quy tắc đòi hỏi nguyên liệu đáp ứng một trong các tiêu chí xuất xứ sau:

- a) Chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC);
- b) Công đoạn gia công, chế biến hàng hóa đặc trưng;
- c) Hàm lượng giá trị khu vực;
- d) Tiêu chí kết hợp giữa các tiêu chí nêu tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản này.

12. *Yếu tố trung gian* là hàng hóa được sử dụng trong quá trình sản xuất, kiểm tra hoặc giám định hàng hóa khác nhưng không cấu thành nên hàng hóa đó.

13. *Hàng hóa không có xuất xứ* hoặc *nguyên liệu không có xuất xứ* là hàng hóa hoặc nguyên liệu không đáp ứng quy tắc xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư này hoặc hàng hóa, nguyên liệu không xác định được xuất xứ.

14. *C/O giáp lưng mẫu E* là C/O do Nước thành viên xuất khẩu trung gian cấp dựa trên C/O mẫu E gốc của Nước thành viên xuất khẩu đầu tiên nhằm chứng minh xuất xứ của hàng hóa có liên quan.

15. *Nhà xuất khẩu* là thể nhân hoặc pháp nhân có trụ sở tại lãnh thổ của một Nước thành viên nơi hàng hóa được xuất khẩu bởi người đó.

16. *Nhà nhập khẩu* là thể nhân hoặc pháp nhân có trụ sở tại lãnh thổ của một Nước thành viên nơi hàng hóa được nhập khẩu bởi người đó.

Điều 4. Chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa tại Việt Nam

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Phụ lục:

- a) Phụ lục I: Quy tắc cụ thể mặt hàng;
- b) Phụ lục II: Mẫu C/O mẫu E;
- c) Phụ lục III: Hướng dẫn kê khai C/O mẫu E xuất khẩu;
- d) Phụ lục IV: Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E của Việt Nam.

2. Quy trình chứng nhận và kiểm tra xuất xứ hàng hóa thực hiện theo quy định tại Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa và các quy định có liên quan.

CHƯƠNG II

QUY TẮC XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Điều 5. Hàng hóa có xuất xứ

Hàng hóa được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện hưởng ưu đãi thuế quan nếu đáp ứng các quy tắc xuất xứ dưới đây cũng như các quy định khác tại Thông tư này:

- 1. Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.
- 2. Được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ của một hay nhiều Nước thành viên.
- 3. Được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ tại một Nước thành viên với điều kiện hàng hóa đó đáp ứng các quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Điều 6. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng (bao gồm quả, hoa, rau, cây, rong biển, nấm và cây trồng) được trồng, thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại một Nước thành viên.
2. Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại một Nước thành viên.
3. Sản phẩm thu được từ động vật sống tại một Nước thành viên mà chưa qua chế biến, bao gồm sữa, trứng, mật ong tự nhiên, lông, len, tinh dịch và phân.
4. Sản phẩm thu được từ săn bắn, đánh bắt, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, thu lượm hoặc săn bắt tại một Nước thành viên.
5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, nước, đáy biển hoặc dưới đáy biển tại một Nước thành viên.
6. Sản phẩm đánh bắt từ vùng biển, đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải của một Nước thành viên, với điều kiện Nước thành viên đó có quyền khai thác vùng biển, đáy biển và dưới đáy biển theo luật quốc tế đã được công nhận rộng rãi, bao gồm Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển năm 1982.
7. Hải sản và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển quốc tế bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên hoặc treo cờ của Nước thành viên đó.
8. Sản phẩm chế biến hoặc sản xuất ngay trên tàu chế biến được đăng ký hoặc được treo cờ của một Nước thành viên từ các sản phẩm nêu tại khoản 7 Điều này.
9. Phế thải và phế liệu thu được từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng tại một Nước thành viên chỉ phù hợp để tái chế nguyên liệu thô.
10. Hàng hóa đã qua sử dụng và được thu nhặt tại một Nước thành viên chỉ phù hợp để tái chế nguyên liệu thô.
11. Hàng hóa thu được hoặc được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ các sản phẩm nêu từ khoản 1 đến khoản 10 Điều này.

Điều 7. Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy

1. Hàng hóa nêu tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này, ngoại trừ hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều này, được coi là có xuất xứ nếu:

a) Hàng hóa có hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không thấp hơn 40% trị giá FOB tính theo công thức quy định tại Điều 8 Thông tư này và công đoạn sản xuất cuối cùng được thực hiện tại một Nước thành viên; hoặc

b) Hàng hóa thuộc các Chương 25, 26, 28, 29, 31 và 39; từ Chương 42 đến Chương 49; từ Chương 57 đến Chương 59; các Chương 61, 62, 64; từ Chương 66 đến Chương 71; từ Chương 73 đến Chương 83; các Chương 86 và 88; từ Chương 91 đến Chương 97 của Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa sử dụng nguyên liệu không có xuất xứ trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp độ 4 số (CTH), ngoại trừ các Nhóm 29.01, 29.02, 31.05, 39.01, 39.02, 39.03, 39.07, 39.08 áp dụng tiêu chí xuất xứ RVC 40%.

2. Hàng hóa được coi là có xuất xứ nếu đáp ứng tiêu chí xuất xứ tương ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Công thức tính RVC

1. RVC được tính theo công thức sau:

$$RVC = \frac{FOB - VNM}{FOB} \times 100\%$$

Trong đó:

RVC là hàm lượng giá trị khu vực được thể hiện bằng tỷ lệ phần trăm.

VNM là trị giá nguyên liệu không có xuất xứ.

2. VNM được xác định như sau:

a) Trường hợp nguyên liệu nhập khẩu không có xuất xứ, VNM là trị giá CIF của nguyên liệu tại thời điểm nhập khẩu;

b) Trường hợp nguyên liệu không có xuất xứ thu được từ một Nước thành viên, VNM là giá mua đầu tiên có thể xác định được đối với nguyên liệu đó. Trị giá này không bao gồm cước vận tải, bảo hiểm, chi phí đóng gói và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên liệu từ kho của nhà cung cấp đến địa điểm của nhà sản xuất.

3. Trường hợp hàng hóa có xuất xứ tại một Nước thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này tiếp tục được sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất ra một hàng hóa khác tại Nước thành viên đó, không cần xét đến phần trị giá không có xuất xứ của nguyên liệu đó khi xác định xuất xứ hàng hóa.

4. Trị giá này được tính theo Hiệp định Trị giá Hải quan.

Điều 9. Cộng gộp

Hàng hóa có xuất xứ của một Nước thành viên sử dụng làm nguyên liệu tại một Nước thành viên khác để sản xuất ra hàng hóa đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan, được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nơi sản xuất hoặc chế biến ra hàng hóa cuối cùng.

Điều 10. Công đoạn gia công, chế biến đơn giản

Những công đoạn gia công, chế biến dưới đây, khi được thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, được xem là đơn giản và không cần xét đến những công đoạn này khi hàng hóa được coi là có xuất xứ thuần túy tại một Nước thành viên:

1. Bảo đảm việc bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt khi vận chuyển hoặc lưu kho.
2. Hỗ trợ cho việc gửi hàng hoặc vận chuyển.
3. Đóng gói (không bao gồm “đóng gói” trong ngành công nghiệp điện tử) hoặc trưng bày hàng hóa để bán.

Điều 11. Vận chuyển trực tiếp